

Số: 14/QĐ-MNASA

An Sinh, ngày 13 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN AN SINH A

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144 /2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ công văn số 3839/UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Ủy Ban nhân dân Thị Xã Đông Triều về việc công khai tài sản công, tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật;

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 của trường MN AN SINH A (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Huyền

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non An Sinh A
Mã đơn vị: 1106584
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2022

DVT cho: Số lượng là: Cái, Khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẴM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	Trường Mầm non An Sinh A - Mã QHNS: 1106584	12		391.887	5		988.019			
	1 - Đất khuôn viên									
	2 - Nhà									
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	12		391.887	5		988.019			
	Tổng cộng	12		391.887	5		988.019			

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Kim Lưu

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Thị Huyền

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non An Sinh A
Mã đơn vị: 1106584
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2022

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)						Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Tài sản cố định khác		207	3.830.846	2.829.124	1.001.722	1.218.542								
1	Bộ vận động đa năng	Trường Mầm non An Sinh A	1	65.163		65.163	16.291		x						
2	Bục giảng điện tử	Trường Mầm non An Sinh A	1	17.800		17.800			x						
3	Máy bay trực thăng	Trường Mầm non An Sinh A	1	22.000		22.000			x						
4	Nhà bóng	Trường Mầm non An Sinh A	1	176.643		176.643	44.161		x						
5	Nhà leo núi ngang	Trường Mầm non An Sinh A	1	15.993		15.993	3.998		x						
6	Bàn ghế mẫu giáo năm sx 2009	Trường Mầm non An Sinh A	30	14.880	14.880										
7	Bàn ghế văn phòng	Trường Mầm non An Sinh A	1	19.650	19.650										
8	Bàn họp K1 2000x1000	Trường Mầm non An Sinh A	1	5.200	5.200										
9	Bàn làm việc HN3	Trường Mầm non An Sinh A	1	9.000	9.000										
10	Bảng cảm ứng tương tác	Trường Mầm non An Sinh A	4	246.713		246.713	154.196		x						
11	Bể nước	Trường Mầm non An Sinh A	1	28.633	28.633		17.180							x	

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	BGMN 2010	Trường Mầm non An Sinh A	15	7.800	7.800									
13	BGMN 2010	Trường Mầm non An Sinh A	30	17.358	17.358									
14	BGVN 2010	Trường Mầm non An Sinh A	1	1.500	1.500									
15	BỘ BẠCH TUYẾT	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.000	13.000									
16	BỘ BẠCH TUYẾT 7 CHÚ LÙN	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.000	13.000									
17	BỘ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG	Trường Mầm non An Sinh A	1	5.900	5.900									
18	Bo gia 2010	Trường Mầm non An Sinh A	2	10.260	10.260									
19	Bộ giá đựng đồ chơi năm sx 2010	Trường Mầm non An Sinh A	2	13.358	13.358									
20	Bộ sáng tạo, phát triển kỹ năng vận động bé tự xây dựng mở rộng	Trường Mầm non An Sinh A	2	39.800	39.800									
21	Bộ STPTKN vận động	Trường Mầm non An Sinh A	5	127.274		127.274	79.546		x					
22	Bộ STPTKN vận động(01)	Trường Mầm non An Sinh A	1	20.122		20.122	12.576		x					
23	Bộ TB lọc nước	Trường Mầm non An Sinh A	1	259.269	259.269									
24	Bộ TBDHTM (2020)	Trường Mầm non An Sinh A	1	78.258		78.258	48.911		x					
25	BỘ THÁNH GIÓNG	Trường Mầm non An Sinh A	1	12.500	12.500									
26	Bộ thiết bị dạy học thông minh phát triển kỹ năng	Trường Mầm non An Sinh A	2	154.432	154.432		61.773							
27	Cầu trượt đôi	Trường Mầm non An Sinh A	1	11.542	11.542		2.886		x					
28	Combo lắp ghép lego	Trường Mầm non An Sinh A	1	30.332		30.332	18.957		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
29	Combo lắp ghép lego giáo dục	Trường Mầm non An Sinh A	1	60.000	60.000										
30	Cổng	Trường Mầm non An Sinh A	1	32.800	32.800		6.560								
31	Điều hòa	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.433	13.433		8.396		x						
32	Điều hòa	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.433	13.433		8.396		x						
33	Điều hòa	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.433	13.433		8.396		x						
34	Đu quay 12 ghế	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.900		13.900			x						
35	Đu quay 8 máy bay	Trường Mầm non An Sinh A	1	18.000		18.000			x						
36	Đu quay con rồng	Trường Mầm non An Sinh A	1	10.500		10.500			x						
37	Đu quay con rồng	Trường Mầm non An Sinh A	1	11.500		11.500			x						
38	Đu treo 12 ghế	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.900		13.900			x						
39	Loa giảng dạy	Trường Mầm non An Sinh A	1	7.300	7.300										
40	Ly oa điện 10KVA	Trường Mầm non An Sinh A	1	8.700	8.700										
41	Mái sân cỏ 1	Trường Mầm non An Sinh A	1	98.578	98.578		78.862								
42	Mái sân cỏ 2	Trường Mầm non An Sinh A	1	98.578	98.578		83.791								
43	Mái sân cỏ 3	Trường Mầm non An Sinh A	1	99.681	99.681		89.713								
44	Màn hình cảm ứng	Trường Mầm non An Sinh A	2	124.900	124.900										
45	Màn hình LCD	Trường Mầm non An Sinh A	1	26.730	26.730										

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
46	Màn hình tivi Samsung Led 32	Trường Mầm non An Sinh A	1	7.300	7.300									
47	Màn hình tivi Samsung LED 40	Trường Mầm non An Sinh A	2	24.000	24.000									
48	Máy điều hòa	Trường Mầm non An Sinh A	1	9.300	9.300		6.975							
49	Máy điều hòa	Trường Mầm non An Sinh A	3	41.710	41.710		8.342							
50	Máy laptop	Trường Mầm non An Sinh A	1	14.650	14.650									
51	Máy tính ASUS K43E - 2350M	Trường Mầm non An Sinh A	2	23.000	23.000									
52	Máy tính ASUS K43E - 2450M	Trường Mầm non An Sinh A	1	25.600	25.600									
53	Máy tính bàn	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.150	13.150		5.260		x					
54	Máy tính bộ Monitor	Trường Mầm non An Sinh A	1	7.950	7.950									
55	Máy tính để bàn	Trường Mầm non An Sinh A	2	25.800	25.800									
56	Máy tính Kidmart	Trường Mầm non An Sinh A	5	74.950	74.950									
57	Máy tính Kidsmart	Trường Mầm non An Sinh A	5	74.950	74.950									
58	Máy tính xách tay	Trường Mầm non An Sinh A	1	13.320	13.320		5.328		x					
59	Máy tính xách tay	Trường Mầm non An Sinh A	1	9.400	9.400									
60	Min HP	Trường Mầm non An Sinh A	1	12.450	12.450									
61	MInl	Trường Mầm non An Sinh A	1	2.980	2.980									
62	MLN 2010	Trường Mầm non An Sinh A	1	11.338	11.338									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
63	MVT	Trường Mầm non An Sinh A	1	6.538	6.538										
64	Nhà chơi cầu trượt tàu hỏa	Trường Mầm non An Sinh A	1	15.500		15.500			x						
65	Nhà lắp ghép số 1 năm sx 2010	Trường Mầm non An Sinh A	1	7.111	7.111										
66	Phản mềm Bumat	Trường Mầm non An Sinh A	1	16.000	16.000		16.000								
67	Phản mềm phổ cập	Trường Mầm non An Sinh A	1	6.000	6.000										
68	Phản mềm Quản lý cán bộ	Trường Mầm non An Sinh A	1	12.000	12.000		7.200								
69	phản mềm quản lý giáo dục	Trường Mầm non An Sinh A	1	5.000	5.000										
70	Phản mềm quản lý tài sản	Trường Mầm non An Sinh A	1	9.000	9.000										
71	Phản mềm soạn giảng trí viết	Trường Mầm non An Sinh A	1	8.000	8.000										
72	Rãnh thoát nước	Trường Mầm non An Sinh A	1	174.681	174.681		34.936								
73	Rô bốt sáng tạo cho trẻ em	Trường Mầm non An Sinh A	2	77.216	77.216		30.886								
74	Robot sáng tạo	Trường Mầm non An Sinh A	1	50.243		50.243	31.402		x						
75	Sân	Trường Mầm non An Sinh A	1	326.940	326.940		196.164								
76	T học toan 2010	Trường Mầm non An Sinh A	2	2.220	2.220										
77	Tcon ga 2010	Trường Mầm non An Sinh A	2	1.770	1.770										
78	THANG LEO HÌNH BÀN CẦU	Trường Mầm non An Sinh A	1	8.200	8.200										
79	Thang leo và sả đu tay	Trường Mầm non An Sinh A	1	10.988	10.988		2.747		x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
80	THọc toán 2010	Trường Mầm non An Sinh A	3	2.655	2.655									
81	tivi	Trường Mầm non An Sinh A	1	6.900	6.900									
82	Tivi Samsung Plasma	Trường Mầm non An Sinh A	1	11.300	11.300									
83	TTL 2009	Trường Mầm non An Sinh A	2	5.280	5.280									
84	Tủ chạn bát	Trường Mầm non An Sinh A	5	30.195	30.195									
85	Tủ đựng hồ sơ kiểm định	Trường Mầm non An Sinh A	1	10.350	10.350		1.294							
86	Tủ đựng tài liệu năm sx 2009	Trường Mầm non An Sinh A	1	2.640	2.640									
87	Tủ góc học toán năm sx 2010	Trường Mầm non An Sinh A	1	1.110	1.110									
88	Tủ góc nghệ thuật	Trường Mầm non An Sinh A	1	1.324	1.324									
89	Tủ tài liệu	Trường Mầm non An Sinh A	1	7.500	7.500									
90	Tủ tư trang	Trường Mầm non An Sinh A	3	17.244	17.244									
91	Tường	Trường Mầm non An Sinh A	1	424.965	424.965		84.993							
92	TƯỜNG CỎ TÁM, GIẾNG	Trường Mầm non An Sinh A	1	9.500	9.500									
93	Xe đạp Ben Hur	Trường Mầm non An Sinh A	3	33.023			20.639		x					
94	Xe đạp taxi đơn	Trường Mầm non An Sinh A	3	34.859			21.787		x					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Lưu

Phạm Thị Kim Lưu

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Thị Huyền

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số 09b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non An Sinh A

Mã đơn vị: 1106584

Loại hình đơn vị: Khóit sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2022

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú	
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))								
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Giá trị còn lại			Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác				
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
1	Đất Địa Mối tại Địa Mối - An Sinh - Đông Triều - QN	945	350.943		945																			
2	Đất Địa Sen tại Địa Sen - An Sinh - Đông Triều - QN	1.226	136.568		1.226																			
3	Đất Lục Dong tại Lục Dong - An Sinh - Đông Triều - QN	931	103.701		931																			
4	Đất Tam Hồng tại Tam Hồng - An Sinh - Đông Triều - QN	1.487	165.570		1.487																			
5	Đất Thành Long tại Thành Long - An Sinh - Đông triều	713	96.201		713																			
6	Đất trung tâm tại Địa Mối - An Sinh - Đông Triều - QN	5.263	586.167		5.263																			

Công khai về đất											Công khai về nhà											Ghi chú
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (tỷ theo diện tích sản sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
7	Nhà Tam Hồng tại Tam Hồng - An Sinh - Đông Triều - QN									1995	35	22.500			35							
8	Nhà bếp tại Địa Mối - An Sinh - Đông Triều - QN									2015	68	600.520	280.083		68							
9	Nhà Địa Mối tại Địa Mối- An Sinh - Đông Triều - QN									1987	120	60.000			120							
10	Nhà Địa sen tại Địa Sen- An Sinh - Đông Triều -QN									1994	120	65.000			120							
11	Nhà khu hiệu bộ tại Địa Mối - An Sinh - Đông Triều - QN									2015	200	2.636.000	1.806.480		200							
12	Nhà Lục Dong tại Lục Dong - An Sinh - Đông Triều - QN									1987	54	32.000			54							
13	Nhà Thành Long tại Thành Long- An Sinh - Đông triều									2015	198	750.000	349.800		198							
14	Nhà xe tại Địa Mối - An Sinh - Đông Triều - QN									2015	200	49.000	22.854		200							
15	Phòng bảo vệ tại Địa Mối - An Sinh - Đông Triều - QN									2015	36	145.900	68.048		36							

Công khai về đất				Công khai về nhà																	Ghi chú				
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m ²)	Giá trị theo số kê toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m ²))										
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác				Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng hỗn hợp					
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
16	Phòng học khu trung tâm tại Địa Môi - An Sinh - Đông Triều - QN									2015	930	7.952.200	5.435.496		930										
Tổng cộng:		10.565	1.439.150		10.565						1.961	12.313.120	7.962.760		1.961										

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Lưu

Phạm Thị Kim Lưu

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Thị Huyền

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non An Sinh A
Mã đơn vị: 1106584
Loại hình đơn vị: Khối mầm non

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2022

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						391.887						
4	Tài sản cố định khác						391.887						
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1			2017	65.163						
	Bục giảng điện tử	Cái	1			2015	17.800						
	Máy bay trực thăng	Cái	1				22.000						
	Nhà bóng	Cái	1			2017	176.643						
	Nhà leo nằm ngang	Cái	1			2017	15.993						
	Du quay 12 ghế	Bộ	1				13.900						
	Du quay 8 máy bay	Bộ	1				18.000						
	Du quay con rồng	Bộ	1				10.500						
	Du quay con rồng	Bộ	1				11.500						
	Du treo 12 ghế	Bộ	1				13.900						
	Nhà chơi cầu trượt tàu hỏa	Bộ	1				15.500						
	Thang leo và sà đu tay	Cái	1			2017	10.988						
II	Tài sản giao mới						988.019						
4	Tài sản cố định khác						988.019						
	Bể nước	M3	1				28.633						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Công	Cải	1				32.800						
	Rãnh thoát nước	Mét	1				174.681						
	Sân	Cải	1				326.940						
	Tường	Mét	1				424.965						
	Tổng cộng						1.379.906						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Lưu

Phạm Thị Kim Lưu

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

M. S. (NH. X)



Phạm Thị Huyền

Đơn vị chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều
Đơn vị: Trường Mầm non An Sinh A
Mã QHNS: 1106584

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2022

STT	Tài sản	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
					Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Tài sản cố định hữu hình			180	14.472.180.632	9.251.019.555	1.529.906.103	679.301.413		
1	Nhà, công trình xây dựng			10	12.163.120.000	8.339.367.402	150.000.000	150.000.000		
1	Cấp III			2	10.438.200.000	7.515.504.000	150.000.000	150.000.000		
2	Cấp IV			8	1.724.920.000	823.863.402				
2	Vật kiến trúc			8	296.837.000	252.366.600	988.019.000	420.856.250		
1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân chơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi			5	296.837.000	252.366.600	355.573.000	231.122.450		
2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào			1			424.965.000	127.489.500		
3	Các vật kiến trúc khác			2			207.481.000	62.244.300		
5	Máy móc, thiết bị			162	2.012.223.632	659.285.553	391.887.103	108.445.163		
501	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến			89	651.958.000	54.244.499				
1	Máy vi tính để bàn			9	188.850.000	7.890.000				
2	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)			6	85.970.000	7.992.000				
3	Máy in			1	12.450.000					
4	Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh			31	34.530.000					
5	Bộ bàn ghế họp			30	17.358.000					
6	Máy điều hòa không khí			4	49.600.000	38.362.499				
7	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác			8	263.200.000					

STT	Tài sản	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
					Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị			4	231.648.000	115.824.000				
II	Tài sản cố định vô hình			12	1.495.149.613	1.464.749.613				
12	Phần mềm ứng dụng			6	56.000.000	25.600.000				
1202	Phần mềm ứng dụng đa ngành			1	9.000.000					
I	Phần mềm quản lý tài sản, kho			1	9.000.000					
1203	Phần mềm ứng dụng chuyên ngành			4	41.000.000	25.600.000				
I	Phần mềm chuyên ngành Giáo dục đào tạo (bao gồm các loại phần mềm như: phần mềm dạy học, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý nghiệp vụ trường học, ...)			4	41.000.000	25.600.000				
1204	Phần mềm công cụ			1	6.000.000					
I	Phần mềm công cụ khác			1	6.000.000					
2	Quyền sử dụng đất			6	1.439.149.613	1.439.149.613				
III	Tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của Bộ, Tỉnh			27	85.879.000					
15	Máy móc, thiết bị văn phòng (có nguyên giá từ 5 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng và thời gian sử dụng 01 năm trở lên)			27	85.879.000					
I	Máy vi tính để bàn			2	14.488.000					
2	Máy in			1	2.980.000					
3	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác			2	14.200.000					
4	Bộ bàn ghế ngồi làm việc			16	16.800.000					
5	Bàn ghế phòng họp, hội trường, lớp học			2	6.700.000					
6	Các loại thiết bị văn phòng khác			4	30.711.000					
	Tổng cộng			219	16.053.209.245	10.715.769.168	1.529.906.103	679.301.413		